BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 8: Từ 25/09 Đến 01/10/2023

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 25/09	Sáng	1	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.307)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()		Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.204 .PHLT Khoa CK)				Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					
		2	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.307)																Toán học 5 Nguyễn Thu Hà (H5.304)									
		3	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.403)																Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)						
		4	Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)															Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)									
		5											Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)						Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)								
	Chiều	6										Lập trình .Net2 Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)			Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)					Lập trình PLC cơ bản Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Lập đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()	Lập trình PLC cơ bản Đặng Việt Hùng ()	Lập trình PLC cơ bản Chu Quốc Thái ()
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 26/09	Sáng	1	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()		Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.204 .PHLT Khoa CK)				Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tình (H5.304)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)					
		2											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)							Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)						
		3	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)															Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)								
		4	Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.307)										Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)					Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)						
		5		Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)																								
	Chiều	6										Lập trình .Net2 Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)																
		7					Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến ()						Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)						Lập trình PLC cơ bản Trịnh Xuân Bình (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Lập đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()	Lập trình PLC cơ bản Đặng Việt Hùng ()	Lập trình PLC cơ bản Chu Quốc Thái ()
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 4 27/09	Sáng	1	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tình (H5.403)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()		Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.204 .PHLT Khoa CK)				Lập trình .Net2 Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)					
		2	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)																		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)						
		3		Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)															Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tình (H5.202)								
		4	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)													Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)		Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)						
		5													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)								
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 28/09	Sáng	1	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()		Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến ()	Tiếng Anh chuyên ngành Bùi Thị Len (X10.204 .PHLT Khoa CK)				Ktra: Lập trình .Net2-1-1-2023(N01) Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Văn (H5.304)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)						
		2																										
		3											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Văn (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Văn (H5.104)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7					Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến ()																		Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()	Lập trình PLC cơ bản Đặng Việt Hùng ()	Lập trình PLC cơ bản Chu Quốc Thái ()
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 6 29/09	Sáng	1						Ktra: Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-23(N01) (...)																				
		2																		Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)								
		3			Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên ()		Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)					Tiếng Anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)								
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7										Ktra: Tiếng Anh chuyên ngành-1-1-2023(N01) Nguyễn Thị Hường (H3.106)													Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()			
		8											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)		Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)											
		9																										
		10																										
Thứ 7 30/09	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 8: Từ 25/09 Đến 01/10/2023

LỚP			61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 25/09	Sáng	1	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)							Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)					Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)
		2																										
		3	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)							Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		4		Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.301)							Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)			Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)					Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)				Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)
		5	Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)										Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)												Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)			
	Chiều	6								Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()													Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa ()	Bảo đảm an toàn dữ liệu Nguyễn Tuấn Mạnh ()					
		7																									Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3)
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 26/09	Sáng	1	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)		Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()	Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)
		2										Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)				Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)												
		3	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.301)							Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)				Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)						Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.301)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)
		4	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)								Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)			Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)
		5																										
	Chiều	6			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()													Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa ()	Bảo đảm an toàn dữ liệu Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)			Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3)
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 4 27/09	Sáng	1	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)							Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)			Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()	Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)
		2	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)							Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)				Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)										Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)			
		3	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)								Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.202)		Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)					Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)
		4		Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)																	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)						
		5									Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)											Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)
	Chiều	6								Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()		Vi xử lý Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302.TH. ĐTCS-KTCB)																	
		7																							Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)	Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3)
		8																										
		9																										
		10																										

LỚP			61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 28/09	Sáng	1	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)		Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)			Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()	Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)			Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		2										Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)				Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)												
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.304.Phòng học Trang bị điện)											Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)					Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Sửa chữa hệ thống điện ô tô Phạm Ngọc Anh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 6 29/09	Sáng	1																										
		2							Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()													Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)		
		3														Sử dụng tin học và phần mềm kế toán Trần Việt Anh ()			Quản lý sản xuất Phan Thanh Đạt ()	Quản lý sản xuất Cao Thị Thu ()								
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()			Vi xử lý Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()									Bảo đảm an toàn dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)			Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)			
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 7 30/09	Sáng	1																										
		2			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()					Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()															
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()		Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()					Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()															
		8																										
		9																										
		10																										

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 8: Từ 25/09 Đến 01/10/2023

LỚP / THỨ	BUỔI	TIẾT	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3
Thứ 2 25/09	Sáng	1	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)																								
		3			Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)																					
		4	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)																Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)							
		5			Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)											Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)				Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)						
	Chiều	6	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)							Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)					Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)			Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7																	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)				Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)				
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 26/09	Sáng	1	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tình (H5.304)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()	Bảo trì máy tính Lê Sơn Thảo (H3.110_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2				Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)																					
		3	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)															Toán học 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)							
		4	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)											Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)				Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)						
		5																										
	Chiều	6	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)		Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H2.203_TH Tin Đại cương)						Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)						Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)		Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Thuế Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()
		7																								Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.401)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.401)	
		8																										
		9																								Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	
		10																								Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.401)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.401)	
Thứ 4 27/09	Sáng	1	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	Bảo trì máy tính Lê Sơn Thảo (H3.110_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2																										
		3	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)																					
		4	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)																								
		5																										
	Chiều	6	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	LĐ	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H2.203_TH Tin Đại cương)												Khí cụ điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		7																	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)				Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		8																										
		9																					Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)
		10																										

LỚP			61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 28/09	Sáng	1	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.208.Phòng học PLC)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)	Bảo trì máy tính Lê Sơn Thảo (H3.110_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Khí cụ điện ()	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)			Thuế Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Máy điện Hoàng Văn Hùng ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		
		2				Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)																					
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	LĐ		Bảng tính điện tử Lê Hoàng (H3.209.TH Tin học)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H2.203_TH Tin Đại cương)		Gia công trên máy CNC Trần Thị Bích Hậu (Phòng CAD/CAM/CNC)						Kế toán máy Trần Việt Anh ()				Khí cụ điện Phạm Quang Thắng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiện Bùi Thị Len (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)
		7																										
		8																	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.103)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		9																								Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		10																								Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)
Thứ 6 29/09	Sáng	1		LĐ			Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.208.Phòng học PLC)		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Vũ Quang Anh (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Máy điện Hoàng Văn Hùng ()			
		2																										
		3																	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)							
		4																	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)							
		5																										
	Chiều	6			Bảng tính điện tử Lê Hoàng (H3.209.TH Tin học)		Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)						Trang bị điện máy công cụ Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán máy Trần Việt Anh ()				Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()		Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)		Thuế Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)					Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)
		7																										
		8																								Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.201)
		9																										
		10																								Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.201)
Thứ 7 30/09	Sáng	1																							Máy điện Hoàng Văn Hùng ()			
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)
		7																										
		8																										Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)
		9																										
		10																										Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.402)

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 8: Từ 25/09 Đến 01/10/2023

LỚP			62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 25/09	Sáng	1	Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)								Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)						Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6			Máy điện Nguyễn Anh Đức ()							Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)						Vẽ kỹ thuật Chu Mạnh Hùng ()	Điện tử cơ bản Hoàng Quyết Tiến ()		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)					Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)			
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 26/09	Sáng	1	Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện ()	Máy điện Nguyễn Văn Tỉnh ()			Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)						Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6		Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()							PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)									Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)					Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)			
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 4 27/09	Sáng	1	Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện ()	Máy điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205)		Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()						Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành ()	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Trang bị điện Nguyễn Văn Bảy ()	Điện tử cơ bản Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ ()	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)		
		7									Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)		Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)				Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.203)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)		
		8	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)																							Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.404)		
		9	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)								Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)							Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)		
		10																			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)							

LỚP			62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 28/09	Sáng	1	Khí cụ điện Ng Hồng Thao (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện ()	Máy điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205)				
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)	Máy điện Phan Thị Lý ()							Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404) Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)		
		7										Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)											
		8	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (H5.201)								Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)				Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 3 Chu Thị Tính ()		
		9	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (H5.201)								Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)		Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)							Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hóa (H5.404)		
		10	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)																		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)							
Thứ 6 29/09	Sáng	1				Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện ()	Máy điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)							Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...) Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N04) Nguyễn Ngọc Mạnh (...)				Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()						Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành ()	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)	Trang bị điện Nguyễn Văn Bảy ()	Điện tử cơ bản Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ ()	Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...) Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N04) Nguyễn Ngọc Mạnh (...)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404) Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()
		7									Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)			Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)							Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp ()		
		8	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.201)										Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)								Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)							
		9	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.201)								Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)									Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		
		10									Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)				Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)						Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)			
Thứ 7 30/09	Sáng	1				Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()				Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành ()				Trang bị điện Nguyễn Văn Bảy ()	Điện tử cơ bản Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ ()		Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...) Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N04) Nguyễn Ngọc Mạnh (...)					Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (H5.402)								Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.107)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành ()	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.107)	Vẽ kỹ thuật Chu Mạnh Hùng ()	Điện tử cơ bản Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ ()	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.106)	Tách: Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Auto CAD - Topsolid-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...) Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N04) Nguyễn Ngọc Mạnh (...)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		
		7									Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.107)		Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.107)				Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)			Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)		
		8	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)																		Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.106)							
		9									Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.101)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)			Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.101)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)								Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)			
		10	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.402)										Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.107)				Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.107)				Toán 3 Kim Thành Nam (H5.106)					Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 8: Từ 25/09 Đến 01/10/2023

LỚP			62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CS1	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 25/09	Sáng	1										Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)		Tách: An toàn điện-1-1-2023(N05) Phan Thị Lý (...) An toàn điện-1-1-2023(N06) Lỗ Văn Ba (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)			Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)		Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)				Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)
		2			Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)			Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.104)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.201_TH KTXS)																		
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)		Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()		Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.104)		Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)				Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)						Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)
		7																							Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.402)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)
		8		Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)																								
		9																							Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)
		10																										
Thứ 3 26/09	Sáng	1	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)	Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)				Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.201_TH KTXS)				Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)		Tách: An toàn điện-1-1-2023(N05) Phan Thị Lý (...) An toàn điện-1-1-2023(N06) Lỗ Văn Ba (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)		An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()	Soạn thảo văn bản Đặng Thị Thu Hà (H3.208_Khoa SP-KT)		An toàn và môi trường Phùng Ngọc Hùng (H3.204.TH KHOA TIN)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)			
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)	Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)		Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()		Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.104)						Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)					Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)				Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)
		7																							Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)
		8																										
		9																							Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)
		10																										
Thứ 4 27/09	Sáng	1	Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Quách Hữu Việt (Xưởng TH Cơ giới)	Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)					Tin học văn phòng Phùng Thị Minh Phương (H3.209.TH Tin học)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.201_TH KTXS)				Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.111_TH THCB)		Tách: An toàn điện-1-1-2023(N05) Phan Thị Lý (...) An toàn điện-1-1-2023(N06) Lỗ Văn Ba (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)		An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()			An toàn và môi trường Phùng Ngọc Hùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.302)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()			Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)		Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)			Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)		
		7			Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)												
		8	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.404)			Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		Địa lý 3 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.203)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.302)									Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)	
		9	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)									Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)		
		10																										

LỚP			62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CS1	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 5 28/09	Sáng	1			Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trính (H3.111_TH THCB)				Tin học văn phòng Phùng Thị Minh Phương (H3.209.TH Tin học)	Tin học văn phòng Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)					Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)			Tách: Vật liệu điện-1-1-2023(N05) (...) Vật liệu điện-1-1-2023(N06) Đặng Việt Hùng (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)		An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()	Soạn thảo văn bản Đặng Thị Thu Hà (H3.106)		An toàn và môi trường Phùng Ngọc Hùng (H3.204.TH KHOA TIN)	Ktra: Pháp luật-1-1-2023(N01) (TV.301)		Ktra: Pháp luật-1-1-2023(N02) (TV.303)	Ktra: Pháp luật-1-1-2023(N02) (TV.303)
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()			Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.101_PHLT Khoa CK)		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)					
		7			Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)							Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)															
		8	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Vật lý 3 Chu Thị Tính ()			Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)												
		9	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)													
		10								Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)					Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)												
Thứ 6 29/09	Sáng	1			Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trính (H3.111_TH THCB)				Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N01) Phạm Văn Úc (Tầng hầm X.23) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2023(N05) Quách Hữu Việt (...)				Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)			Tách: Vật liệu điện-1-1-2023(N05) (...) Vật liệu điện-1-1-2023(N06) Đặng Việt Hùng (...)								Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)		Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)
		2																							Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)			
		3																									Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)
		4																							Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)			
		5																									Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)	Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Tách: Vật liệu điện-1-1-2023(N05) Hoàng Văn Hùng (...) Vật liệu điện-1-1-2023(N06) Đặng Việt Hùng (...)		Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)			Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)		Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)		
		7	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)																							
		8	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp ()			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)												
		9	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)												
		10									Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)															
Thứ 7 30/09	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.407)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.106)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.104)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.407)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.401)									Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.204)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)
		7																										
		8	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.103)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.103)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.407)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.401)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.104)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.104)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.407)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.401)									Cụm chuyên đề Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng ()
		9						Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.407)		Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.106)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.104)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.104)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.407)		Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)									Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)
		10	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.407)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		Toán 3 Kim Thành Nam (H5.106)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.407)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)													

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 8: Từ 25/09 Đến 01/10/2023

LỚP / THỨ	BUỔI	TIẾT	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
Thứ 2 25/09	Sáng	1				Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)		Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Quách Hữu Việt ()					Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)													
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6						Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																										
		8		Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)				Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		9						Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Cụm chuyên đề toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)			Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)			Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Cụm chuyên đề toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		10										Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy ()	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy ()			Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)		Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)						Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	
Thứ 3 26/09	Sáng	1																										
		2				Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	An toàn lao động Hồ Sĩ Khương (X10.101_PHLT Khoa CK)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP-KT)				Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)										Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)		
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6						Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)	VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hường (H5.301)	VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hường (H5.301)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)
		7		Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.403)				Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)																		Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	
		8							Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình ()	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình ()	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.307)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.307)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		9						Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)			Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)					Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)		Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)			Cụm chuyên đề toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Cụm chuyên đề toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)							
		10		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)												Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)			Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)		Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)
Thứ 4 27/09	Sáng	1																										
		2																										
		3	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)		Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	An toàn lao động Hồ Sĩ Khương (X10.101_PHLT Khoa CK)		Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP-KT)			An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H2.301_TH LR Máy tính)		Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tin học Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.106)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.101)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hương ()				Tin học Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)
		4																										
		5																										
	Chiều	6							Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)					Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)											
		7																										
		8							Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)		Kinh tế vi mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.206_Khoa SP-KT)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)				Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.106)	Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)		
		9													Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)											
		10																										

LỚP			63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 28/09	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Ktra: Pháp luật-1-1-2023(N01) (TV.301)	An toàn lao động Hồ Sĩ Khương (X10.101_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Quách Hữu Việt ()	Kinh tế vi mô Trần Thị Thu Phương (H3.206_Khoa SP-KT)			An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H2.301_TH LR Máy tính)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tin học Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)			Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.101)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)				Tin học Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6		Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)						An toàn lao động Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)		Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.207_Khoa SP-KT)		Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)					Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.104)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)				Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.106)	Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)		
		7																										
		8		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)																								
		9																										
		10																										
Thứ 6 29/09	Sáng	1				Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yến (H3.104)		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)			Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Tin học Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		2						Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)								Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)		Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)										
		3									Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc ()	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc ()	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		4						Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)				Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)					Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)			Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.304)	
		5														Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)			Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)				
	Chiều	6		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)				Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thúy Lệ (H3.205)	Kinh tế vi mô Vũ Thị Tuyết (H3.207_Khoa SP-KT)		Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)		Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)							Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)		
		7																										
		8													Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)											
		9																										
		10																										
Thứ 7 30/09	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6						Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.204)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Địa lý 1 Nguyễn Thị Tính (H5.201)		Địa lý 1 Nguyễn Thị Tính (H5.201)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		7														Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng ()		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng ()										
		8						Cụm chuyên đề Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)			Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		9						Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)			Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)			Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)		Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)		Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)			Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)
		10										Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)															